

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU LAO ĐỘNG VÀ TĂNG TRƯỞNG CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG: TRƯỜNG HỢP THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Phan Đình Khôi

Trường Đại học Cần Thơ

Email: pdkhoi@ctu.edu.vn

Nguyễn Thị Dân

Email: nguyenthidanhg@gmail.com

Ngày nhận: 26/10/2016

Ngày nhận bản sửa: 29/11/2016

Ngày duyệt đăng: 25/7/2017

Tóm tắt:

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng gia tăng giá trị sản xuất công nghiệp có ý nghĩa quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế địa phương. Kết quả nghiên cứu cho thấy chuyển dịch cơ cấu lao động nội ngành công nghiệp theo hướng giảm khu vực kinh tế nhà nước đồng thời tăng khu vực tư nhân và đầu tư nước ngoài tại Cần Thơ có tác động trực tiếp đến tăng trưởng của ngành trong giai đoạn 2004 -2014. Trong đó, xu hướng chuyển dịch cơ cấu lao động sang khu vực tư nhân đóng góp tích cực nhất đến tăng trưởng năng suất lao động. Bên cạnh đó, tăng trưởng lao động có tác động tích cực hơn đến tăng trưởng giá trị công nghiệp so với đầu tư nguồn vốn, điều này chứng tỏ các ngành công nghiệp chiếm dụng lao động vẫn còn đóng góp quan trọng vào tăng trưởng giá trị sản xuất của ngành. Tuy nhiên, mức tác động của tăng trưởng lao động đến tăng trưởng của ngành công nghiệp chỉ ở mức gia tăng giá trị sản xuất hơn là năng suất lao động ngành.

Từ khóa: chuyển dịch cơ cấu, năng suất lao động, giá trị sản xuất, ngành công nghiệp, Cần Thơ

Inter-structural labor shift and local industrial growth: the case of Can Tho city

Abstract:

Restructuring economic sectors to enhance industrial production growth is significantly important to regional economic growth. The results of this study indicate that labor's structural changes among economic sectors in the industry of Can Tho towards declining trend in public sector while increasing trend in private and foreign investment sectors had direct impact on the industrial growth rate in the past 10 years (2004-2014). The labor's structural change in private sector shows a positive contribution to the labor productivity growth hence this sector has a potential contribution in the development of the industrial productivity growth. On the other hand, the results show that the growth in terms of number of labors has stronger positive impact than investment capital, showing that labors-intensive subsectors in the industry remain an important component of the growth rate of the industry.

Keywords: Structural changes; labor productivity; production value; industrial sector; Can Tho.

1. Giới thiệu

Chuyển dịch cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế luôn là một trong những nội dung quan trọng của chính sách đổi mới và phát triển kinh tế của đất nước. Tuy nhiên, xu hướng chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng lấy kinh tế nhà nước làm trọng tâm trong thời gian qua được đề cập trong các văn kiện đại hội Đảng chưa thật sự mang lại hiệu quả. Thêm vào đó, xu thế mở cửa nền kinh tế với sự dịch chuyển nguồn lực du nhập từ bên ngoài ngày càng mạnh mẽ của thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là thách thức lớn đối với chính sách phát triển của cả nước. Do đó, yêu cầu đổi mới và đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng nhằm cải thiện vị trí, đưa được nền kinh tế lên giai đoạn phát triển cao hơn đã trở thành một yêu cầu cấp bách cả về trước mắt và lâu dài. Đó không chỉ là nhiệm vụ ở cấp quốc gia mà còn là nhiệm vụ trọng tâm của mỗi tỉnh thành trong cả nước.

Thành phố Cần Thơ xác định nhiệm vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhằm hướng đến mục tiêu nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực xã hội, nâng cao năng suất lao động, năng suất các yếu tố tổng hợp và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế; góp phần tích cực chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang kết hợp hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu; hiểu rõ vai trò, đóng góp của các thành phần kinh tế có ý nghĩa rất lớn đối với hoạch định chiến lược phát triển kinh tế địa phương (Nguyễn Thị Minh, 2009). Tuy nhiên, câu hỏi liệu chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tăng dần tỉ trọng lao động công nghiệp có thực sự diễn ra và có ảnh hưởng đến tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp của thành phố chưa được làm rõ.

Bài viết này nhằm mục tiêu cung cấp bằng chứng thực nghiệm về mối quan hệ giữa chuyển dịch cơ cấu lao động ngành công nghiệp theo các thành phần kinh tế và tăng trưởng của ngành công nghiệp (tăng trưởng năng suất lao động và giá trị sản xuất) tại thành phố Cần Thơ. Phần còn lại của bài viết gồm có các nội dung sau. Mục 2 trình bày phương pháp nghiên cứu bao gồm mô hình lý thuyết, mô hình ước lượng và số liệu. Mục 3 trình bày kết quả và thảo luận. Mục 4 kết luận và khuyến nghị.

2. Lược khảo tài liệu

Mối quan hệ giữa chuyển dịch cơ cấu và tăng trưởng kinh tế của quốc gia được nhiều tác giả thực hiện cả trong và ngoài nước, trong khi các nghiên cứu về chuyển dịch cơ cấu nội ngành và tăng trưởng kinh tế địa phương vẫn chưa được tập trung nghiên cứu. Nhiều nghiên cứu về chuyển dịch cơ cấu thường

sử dụng mô hình để ước lượng ảnh hưởng của sự chuyển đổi đến tăng trưởng kinh tế ở cấp quốc gia điển hình như là Fagerberg (2000) và Nguyễn Thị Tuệ Anh (2007). Ngoài ra, Nguyễn Thị Minh (2009) và Nguyễn Thị Cẩm Vân (2015) sử dụng phương pháp tính toán để chỉ ra tỉ lệ đóng góp của các khu vực kinh tế vào tăng trưởng kinh tế của địa phương.

Nghiên cứu của Fagerberg (2000) sử dụng số liệu thu thập được về ngành công nghiệp chế biến chế tạo từ 39 quốc gia có trình độ phát triển khác nhau giai đoạn 1973-1990 và phương pháp chuyển dịch tỉ trọng (SSA) đưa ra kết luận rằng chuyển dịch cơ cấu có đóng góp vào tăng trưởng năng suất lao động của mỗi quốc gia nhưng mức đóng góp nhiều hơn ở những nước đang phát triển. Ở Việt Nam, Nguyễn Thị Tuệ Anh (2007) áp dụng phương pháp SSA để đánh giá đóng góp của chuyển dịch cơ cấu đến tăng trưởng năng suất lao động của ngành và của tổng thể nền kinh tế dựa trên số liệu thống kê giai đoạn 1991-2014. Kết quả cho thấy rằng đóng góp của chuyển dịch cơ cấu lao động vào quá trình tăng trưởng năng suất lao động của nền kinh tế có xu hướng giảm dần theo thời gian. Cụ thể, xét thoảng thời gian thực hiện các kế hoạch 5 năm làm căn cứ để so sánh, mức đóng góp của thành phần lao động giảm dần theo thời gian, thay vào đó là sự tăng lên của tăng trưởng năng suất nội bộ ngành.

Tuy nhiên, các nghiên cứu về chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương ở Việt Nam đa phần chỉ dừng lại phân tích tỉ trọng đóng góp của các khu vực kinh tế. Chẳng hạn, Nguyễn Thị Minh (2009) đánh giá tác động của chuyển dịch cơ cấu lao động giữa ba lĩnh vực kinh tế công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ đến tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) Việt Nam giai đoạn 2000 -2007 đã kết luận rằng sự gia tăng tỷ trọng lao động vào các ngành công nghiệp và dịch vụ có tác động đến tăng trưởng kinh tế lớn hơn so với tăng tỷ trọng lao động nông nghiệp, trong đó mức gia tăng tỷ trọng lao động ở ngành công nghiệp có tác động lớn nhất. Gần đây, Nguyễn Thị Cẩm Vân (2015) phân tích chuyển dịch cơ cấu của Việt Nam trong giai đoạn 1991 – 2015 cũng cho kết luận tương tự.

Ngoài ra, Nguyễn Thị Cẩm Vân (2015) còn chỉ ra rằng mặc dù chuyển dịch cơ cấu lao động ngành ở cấp quốc gia đã có những đóng góp tích cực trong sự phát triển, tăng trưởng kinh tế cả nước nhưng năng suất lao động của Việt Nam (ở mức 5.440 USD năm 2013) vẫn ở mức rất thấp so với trung bình của khu vực (ở mức 10.812 USD năm 2013) và thấp hơn rất

hiều so với một số nước như Singapore, Malaysia hay Thái Lan.

Bên cạnh chuyển dịch cơ cấu lao động theo ngành, một vài nghiên cứu chuyển dịch cơ cấu theo thành phần kinh tế cũng chỉ ra vai trò hết sức quan trọng của sự chuyển dịch này trong sự phát triển kinh tế cả nước cũng như của từng địa phương. Tuy nhiên, những nghiên cứu về chuyển dịch cơ cấu theo thành phần kinh tế ở cấp độ địa phương khá khiêm tốn. Bài viết này nhằm mục tiêu cung cấp bằng chứng thực nghiệm về chuyển dịch cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế đến sự phát triển ngành công nghiệp ở Cần Thơ.

3. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

3.1. Mô hình lý thuyết

Một cách tổng quát, mối quan hệ giữa chuyển dịch cơ cấu lao động và tăng trưởng kinh tế của một địa phương được xác định dựa vào hàm sản xuất Cobb-Douglas (1928) như sau:

$$Y = AL^{\alpha}K^{\beta} \quad (2.1)$$

Trong đó, Y là giá trị tổng sản lượng bằng tiền của tất cả các hàng hóa sản xuất trong kỳ; L và K là lao động và vốn. Hệ số A được định nghĩa như là năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) biểu thị tiến bộ khoa học công nghệ. Hệ số α và β là độ co giãn của sản lượng theo lao động và vốn ($0 < \alpha, \beta < 1$). Hàm sản xuất (2.1) được viết lại dưới dạng tuyến tính như sau:

$$\ln Y = \ln A + \alpha \ln L + \beta \ln K \quad (2.2)$$

Gọi $\bar{P}$ là năng suất bình quân và được đo bằng tổng sản lượng (Y) chia cho tổng số lao động (L), $\bar{P} = Y/L$. Khi đó, năng suất của ngành i là $P_i = Y_i/L_i$ với L là tổng số lao động có việc làm, L_i là lao động làm việc trong ngành i . Tỷ trọng lao động làm việc trong ngành i là $S_i = L_i/L$. Trong điều kiện dư thừa lao động với giả định số lao động di chuyển khỏi một ngành không ảnh hưởng đáng kể đến kết quả sản xuất của ngành, năng suất tổng thể của địa phương được xác định bằng tổng năng suất của các ngành.

$$\bar{P} = \frac{Y}{L} = \sum_{i=1}^n \left(\frac{Y_i}{L_i} \right) \times \left(\frac{L_i}{L} \right) = \sum_{i=1}^n (P_i \times S_i) \quad (2.3)$$

Chênh lệch giữa năng suất giữa hai thời kỳ ($t=0, T$) được xác định dựa vào công thức (2.3) như sau:

$$\Delta \bar{P} = \bar{P}^T - \bar{P}^0 = \sum_{i=1}^n (\Delta P_i \times S_i) + \sum_{i=1}^n (P_i \times \Delta S_i) \quad (2.4)$$

Gọi p là tốc độ tăng năng suất của tổng thể của năm

T so với năm cơ sở ($t=0$), p được xác định như sau:

$$p = \frac{\sum_{i=1}^n (P_i^T - P_i^0) \times S_i^0}{\sum_{i=1}^n P_i^0} + \frac{\sum_{i=1}^n P_i^0 \times (S_i^T - S_i^0)}{\sum_{i=1}^n P_i^0} \quad (2.5)$$

Công thức (2.5) cho thấy tốc độ tăng trưởng năng suất tổng thể bao gồm hai thành phần. Thành phần thứ nhất chính là tốc độ tăng năng suất nội bộ ngành (gọi tắt là *Inter*) và thành phần thứ hai là tác động của dịch chuyển lao động giữa các ngành (gọi tắt là *Shift*). Chuyển dịch cơ cấu nội ngành xuất hiện khi có sự di chuyển lao động giữa các ngành kinh tế của địa phương (Nguyễn Thị Tuệ Anh, 2007). Nếu như sự di chuyển lao động đóng góp vào tăng trưởng năng suất chung thì tác động của chuyển dịch lao động có dấu dương; ngược lại, tác động của phân bổ lao động lại làm giảm tốc độ tăng năng suất chung.

Xét điều kiện khi chuyển dịch lao động giữa các ngành kinh tế không làm thay đổi tốc độ tăng trưởng năng suất nghĩa là thành phần thứ hai ở công thức (2.5) bằng 0. Điều này không có nghĩa là dịch chuyển lao động từ ngành này sang ngành khác không có ảnh hưởng tới tăng trưởng năng suất lao động. Hai khả năng có thể xảy ra kết quả trên. Thứ nhất, chuyển dịch lao động từ ngành có tốc độ tăng năng suất thấp sang ngành có tốc độ tăng năng suất cao hơn. Thứ hai, chuyển dịch lao động từ ngành có mức năng suất thấp sang ngành có năng suất cao hơn. Cả hai trường hợp trên có thể đồng thời xảy ra nên khả năng triệt tiêu lẫn nhau giữa tác động dương và tác động âm, nhất là khi nguồn lực lao động chuyển sang ngành có năng suất tăng nhanh hơn nhưng với mức năng suất thấp hơn.

Tác động của chuyển dịch cơ cấu lao động được van Ark & cộng sự (2008) dựa vào phương pháp phân tích của Fabricant (1942) để tách thành hai tác động theo công thức (2.5) được viết lại như sau:

$$p = \frac{\sum_{i=1}^n (P_i^T - P_i^0) \times S_i^0}{\sum_{i=1}^n P_i^0} + \frac{\sum_{i=1}^n P_i^0 \times (S_i^T - S_i^0)}{\sum_{i=1}^n P_i^0} + \frac{\sum_{i=1}^n (P_i^T - P_i^0) \times (S_i^T - S_i^0)}{\sum_{i=1}^n P_i^0} \quad (2.6)$$

Thành phần thứ 3 trong công thức (2.6) là chuyển dịch cơ cấu do di chuyển lao động từ khu vực có tốc độ tăng năng suất thấp hơn sang khu vực có

tốc độ tăng năng suất cao hơn. Thành phần này sẽ bị triệt tiêu nếu sử dụng trọng số là mức năng suất trung bình và tỷ trọng lao động trung bình của ngành (Nguyễn Thị Tuệ Anh, 2007). Khi đó, năng suất lao động được viết lại như sau:

$$p = \frac{\sum_{i=1}^n (P_i^T - P_i^0) \times \bar{S}_i}{\sum_{i=1}^n \bar{P}_i} + \frac{\sum_{i=1}^n \bar{P}_i \times (S_i^T - S_i^0)}{\sum_{i=1}^n \bar{P}_i} \quad (2.7)$$

Phương trình (2.7) cho phép xác định đóng góp của chuyển dịch cơ cấu nội ngành vào tăng trưởng năng suất lao động của ngành công nghiệp. Theo đó, tăng trưởng năng suất lao động bao gồm: tăng trưởng năng suất nội bộ ngành và chuyển dịch cơ cấu lao động trong ngành.

3.2. Mô hình ước lượng

Phương trình (2.7) cho phép phân tích đóng góp (điểm phần trăm) của chuyển dịch cơ cấu lao động vào tốc độ tăng trưởng năng suất lao động của địa phương. Nguyễn Thị Cẩm Vân (2015) đề xuất mô hình ước lượng mức độ tác động của chuyển dịch cơ cấu lao động đến tăng trưởng kinh tế (tính theo giá trị sản xuất) của địa phương theo phương trình (3.1).

$$\ln GRDP_{it} = \alpha_1 \ln k_{it} + \alpha_2 \ln l_{it} + \alpha_3 \ln kn_{it} + \alpha_4 \ln dv_{it} + \alpha_5 \ln cn_{it} + \alpha_6 \ln dv_{it} + c_i + u_{it} \quad (3.1)$$

trong đó, $\ln GRDP$, $\ln k$, và $\ln l$ lần lượt là logarit tự nhiên của giá trị sản xuất của địa phương ($GRDP$), vốn và số lượng lao động; kn , dv lần lượt là tỷ trọng của vốn của các ngành công nghiệp và dịch vụ; l_{cn} , l_{dv}

lần lượt là tỷ trọng lao động của các ngành công nghiệp và dịch vụ; c là tham số đặc trưng cho sự không đồng nhất về các điều kiện kinh tế khác nhau giữa các huyện trong tỉnh; i là chỉ số các huyện, t là chỉ số thời gian; và u là sai số ngẫu nhiên.

Mô hình ước lượng

Để ước lượng tác động của sự chuyển dịch lao động giữa các thành phần kinh tế tới tăng trưởng giá trị sản xuất ngành công nghiệp, mô hình ước lượng được đề xuất như sau:

$$\ln GTSX_{cn} = \alpha_1 + \alpha_2 \ln l_{cn, it} + \alpha_3 \ln kn_{it} + \alpha_4 \ln nn_{it} + \alpha_5 \ln fdi_{it} + e_{it} \quad (3.2)$$

Để loại bỏ hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến l_{nn} , l_{nnn} , và l_{fdi} , phương trình (3.2) được viết lại như sau:

$$\ln GTSX_{cn} = \beta_1 + \beta_2 \ln l_{cn, it} + \beta_3 \ln kn_{it} + \beta_4 \ln nn_{it} + \beta_5 \ln fdi_{it} + e_{it} \quad (3.3)$$

trong đó, $\beta_1 = \alpha_1$, $\beta_2 = \alpha_2$, $\beta_3 = \alpha_3 - \alpha_4$, $\beta_4 = \alpha_5 - \alpha_4$

Như vậy, hệ số β_3 và β_4 chỉ mức độ ảnh hưởng của tỷ trọng lao động khu vực nhà nước và khu vực đầu tư nước ngoài (FDI) đến tăng trưởng kinh tế thông qua tăng trưởng giá trị sản xuất ngành (Bảng 1).

Sự phù hợp giữa mô hình tác động gộp và tác động ngẫu nhiên được thực hiện thông qua kiểm định Breusch-Pagan với giả thuyết H_0 là các ε_i của các quan sát đều bằng nhau và bằng 0 (Akbar & cộng sự, 2011). Bên cạnh đó, một yếu tố quan trọng cần chú ý là tính không đồng nhất về điều kiện kinh tế tự nhiên (vị trí địa lý, tài nguyên thiên nhiên, cơ sở

Bảng 1. Diễn giải các biến trong mô hình

Tên biến	Diễn giải biến	Kỳ vọng
Logarit giá trị sản xuất công nghiệp của huyện i trong thời gian t ($\ln GTSX_{cn, i, t}$)	Logarit giá trị sản xuất công nghiệp của huyện i trong thời gian t	+
Logarit số lượng lao động ngành công nghiệp của huyện i trong thời gian t ($\ln l_{cn, i, t}$)	Logarit số lượng lao động ngành công nghiệp của huyện i trong thời gian t	+
Logarit vốn đầu tư ngành công nghiệp của huyện i trong thời gian t ($\ln kn_{i, t}$)	Logarit nguồn vốn đầu tư ngành công nghiệp của huyện i trong thời gian t	+
Tỷ trọng lao động khu vực Nhà nước của huyện i trong thời gian t ($l_{nn, i, t}$)	Tỷ lệ phần trăm lao động khu vực Nhà nước trong tổng lao động ngành công nghiệp của huyện i trong thời gian t	-
Tỷ trọng lao động khu vực FDI của huyện i trong thời gian t ($l_{fdi, i, t}$)	Tỷ lệ phần trăm lao động của khu vực FDI trong tổng lao động ngành công nghiệp của huyện i trong thời gian t	+

hạ tầng, trình độ phát triển) giữa các địa phương cần được xem xét trong môi trường kinh tế của các địa phương. Do vậy, mô hình số liệu bảng được áp dụng để ước lượng phương trình (3.3). Mô hình ảnh hưởng cố định (fixed effects model – FEM) được lựa chọn nếu hệ số ước lượng β_i được xác nhận là có mối tương quan với các biến giải thích trong mô hình. Ngược lại, nếu β_i là ngẫu nhiên (không tương quan với biến giải thích) và được coi là một biến giải thích mới thì mô hình ảnh hưởng ngẫu nhiên (random effects model – REM) được cho là phù hợp. Kiểm định Hausman cho phép lựa chọn giữa FEM và REM với giả thuyết của kiểm định là ϵ_i và biến độc lập không tương quan với nhau (Clark & Linzer, 2012).

3.3. Số liệu

Số liệu trong bài viết được tổng hợp từ Niên giám thống kê của 9 quận và huyện trên địa bàn Thành phố Cần Thơ trong giai đoạn 2004 – 2014. Các chỉ tiêu đo lường số lượng lao động theo thành phần kinh tế, tổng nguồn vốn và tổng giá trị sản xuất của địa phương i (được chuẩn hóa theo giá so sánh năm 2010) của ba khu vực kinh tế của các quận, huyện của thành phố Cần Thơ.

Trong giai đoạn 2004 – 2014, tỉnh Cần Thơ được chia tách thành thành phố Cần Thơ và tỉnh Hậu Giang nên các đơn vị hành chính của thành phố có thay đổi và được điều chỉnh. Theo đó, số liệu thống kê của 9 quận, huyện được điều chỉnh bao gồm 99 quan sát.

4. Thực trạng đóng góp của chuyển dịch cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế đến tăng trưởng kinh tế ngành công nghiệp TP.Cần Thơ giai đoạn 2004 - 2014

4.1. Đóng góp của cơ cấu lao động của các thành phần kinh tế vào năng suất lao động ngành công nghiệp

Bảng 2 phân tích mức đóng góp của các thành phần kinh tế vào tăng trưởng năng suất lao động ngành công nghiệp của thành phố Cần Thơ. Kết quả cho thấy, tăng trưởng năng suất lao động nội bộ ngành là thành phần đóng góp tích cực vào tăng trưởng năng suất lao động của ngành công nghiệp trong giai đoạn 2004-2014. Trong đó, đóng góp của tăng trưởng năng suất lao động khu vực kinh tế ngoài nhà nước là lớn nhất trong ba khu vực kinh tế, với mức đóng góp trung bình cả giai đoạn là 8,07 điểm phần trăm (trong tổng số 9,02 điểm phần trăm của toàn ngành). Mức đóng góp của khu vực ngoài

nhà nước cao hơn rất nhiều so với mức 0,5 điểm phần trăm của khu vực FDI vì đây là thành phần có tốc độ tăng trưởng năng suất lao động lớn hơn so với hai thành phần còn lại. Ngoài ra, kết quả cũng cho thấy mức độ đóng góp không ổn định của cả ba khu vực kinh tế trong giai đoạn phân tích.

4.2. Đóng góp của chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo thành phần kinh tế vào tăng trưởng năng suất lao động ngành

Bảng 2 trình bày kết quả tính toán tác động “tĩnh” và “động” của chuyển dịch cơ cấu đến tốc độ tăng trưởng năng suất lao động ngành công nghiệp. Trong khi tác động “tĩnh” được tạo ra do sự di chuyển lao động từ khu vực có năng suất lao động thấp hơn sang khu vực có năng suất lao động cao hơn thì tác động chuyển dịch cơ cấu “động” được tạo ra do dịch chuyển lao động từ khu vực có tốc độ tăng năng suất lao động thấp sang khu vực có tốc độ tăng năng suất lao động cao hơn. Kết quả trên cho các nhận xét sau:

Thứ nhất, cả chuyển dịch cơ cấu “tĩnh” và “động” đều làm giảm tốc độ tăng trưởng năng suất lao động tổng thể ngành công nghiệp trong giai đoạn 2004 – 2014. Như vậy, chuyển dịch cơ cấu lao động là nguyên nhân làm giảm tốc độ tăng trưởng năng suất lao động ngành. Tuy nhiên, nếu xét trong hai giai đoạn 2004-2009 và 2010-2014 thì trong giai đoạn đầu, cả chuyển dịch cơ cấu đều có đóng góp âm; trong giai đoạn sau, thành phần chuyển dịch cơ cấu “tĩnh” làm tăng năng suất lao động còn thành phần chuyển dịch cơ cấu “động” đóng góp theo chiều ngược lại nhưng với mức lớn hơn so với thành phần “tĩnh”, vì thế chuyển dịch cơ cấu vẫn không mang lại kết quả tích cực cho tăng trưởng năng suất lao động ngành.

Thứ hai, thành phần chuyển dịch cơ cấu “tĩnh” mang dấu âm có nghĩa là có sự chuyển dịch lao động từ khu vực kinh tế ngoài nhà nước có năng suất lao động thấp sang khu vực nhà nước và FDI có năng suất lao động cao hơn nhưng khu vực ngoài nhà nước này lại là khu vực có tốc độ tăng trưởng năng suất lao động cao nhất trong cả ba thành phần kinh tế, từ đó làm cho tốc độ tăng trưởng năng suất lao động tổng thể giảm xuống.

Thứ ba, thành phần chuyển dịch cơ cấu “động” mang dấu âm được cho là do có sự điều chỉnh về cơ cấu lao động ở những khu vực mà trước đây được coi là phát triển “năng động”, nghĩa là vừa do tăng trưởng nhanh lại vừa có khả năng thu hút lao động, nhưng thiếu bền vững (khu vực kinh tế ngoài nhà nước).

Bảng 2: Đóng góp của các thành phần vào tăng trưởng năng suất lao động ngành công nghiệp của thành phố Cần Thơ, giai đoạn 2004 – 2014
(kết quả tính toán dựa trên công thức 2.4, giá so sánh 2010)

Đơn vị tính: Điểm %

Năm	Tốc độ tăng trưởng năng suất lao động ngành	Đóng góp của năng suất lao động của các thành phần kinh tế				Đóng góp của chuyển dịch cơ cấu “Tĩnh”				Đóng góp của chuyển dịch cơ cấu “Động”				Tổng đóng góp của chuyển dịch cơ cấu “Tĩnh” và “Động”
		Nhà nước	Ngoài nhà nước	FDI	TỔNG	Nhà nước	Ngoài nhà nước	FDI	TỔNG	Nhà nước	Ngoài nhà nước	FDI	TỔNG	
2004	13,21	9,45	13,34	-7,18	15,61	-4,82	1,04	3,43	-0,35	-0,98	0,38	-1,45	-2,05	-2,39
2005	19,68	17,10	12,09	1,21	30,40	-10,81	5,06	-1,94	-7,70	-4,16	1,36	-0,23	-3,03	-10,72
2006	18,79	7,62	15,91	-1,07	22,45	-5,32	1,45	0,96	-2,92	-1,04	0,43	-0,13	-0,74	-3,66
2007	-6,54	-2,03	-4,73	5,82	-0,94	-6,00	3,58	-1,71	-4,13	0,36	-0,28	-1,54	-1,47	-5,59
2008	5,37	6,09	10,89	1,71	18,70	-16,01	6,57	-1,32	-10,76	-3,48	1,15	-0,23	-2,57	-13,33
2009	12,34	-3,57	14,58	1,52	12,52	0,05	0,08	-0,27	-0,14	-0,01	0,01	-0,04	-0,04	-0,18
2010	17,92	-1,66	18,63	0,69	17,66	0,91	-0,64	0,28	0,55	-0,16	-0,15	0,02	-0,29	0,26
2011	8,07	0,57	7,12	0,20	7,89	0,04	-0,16	0,31	0,19	0,00	-0,01	0,01	0,00	0,18
2012	-5,67	1,07	-5,64	-2,50	-7,07	0,79	-2,34	3,77	2,22	0,12	0,16	-1,10	-0,82	1,40
2013	11,90	5,56	5,29	3,26	14,11	-2,49	1,94	-0,25	-0,80	-1,45	0,13	-0,09	-1,41	-2,21
2014	4,14	2,31	1,34	1,82	5,47	-1,82	0,87	0,02	-0,92	-0,42	0,01	0,00	-0,40	-1,33

Nguồn: Tính toán của tác giả theo số liệu từ Cục thống kê thành phố Cần Thơ.

Ngoài ra, có thể nhận thấy trong ba thành phần đóng góp vào tăng trưởng năng suất lao động ngành thì khu vực kinh tế ngoài nhà nước có đóng góp tích cực đáng kể nhất cả về năng suất lao động nội ngành, chuyển dịch cơ cấu “tĩnh” và “động”. Điều này cho thấy kết quả tích cực từ của chủ trương khuyến khích phát triển kinh tế ngoài nhà nước với các chính sách hỗ trợ về vốn cũng như về mặt pháp lý, đặc biệt là sự ra đời của luật doanh nghiệp năm 2005 đồng thời chỉ ra tiềm năng của khu vực kinh tế ngoài nhà nước trong tương lai.

Tóm lại, chuyển dịch cơ cấu lao động diễn ra như trong thời gian qua đã không mang lại kết quả tốt nhằm cải thiện năng suất lao động ngành, thậm chí còn là nguyên nhân làm cho tốc độ tăng trưởng năng suất lao động nội ngành giảm xuống đáng kể. Kết quả phân tích đóng góp của chuyển dịch cơ cấu và tăng trưởng năng suất lao động nội ngành vào tăng trưởng năng suất lao động toàn ngành công nghiệp theo phương pháp SSA cho thấy tăng trưởng năng suất lao động giữa các thành phần kinh tế là thành phần đóng góp chủ yếu vào tăng trưởng năng suất lao động toàn ngành công nghiệp. Trong đó, tăng trưởng năng suất lao động của khu vực kinh tế ngoài nhà nước có đóng góp đáng kể nhất. Trong khi đó, chuyển dịch cơ cấu nguyên nhân làm cho tốc độ tăng trưởng năng suất lao động ngành giảm xuống, mặc dù đóng góp của chuyển dịch cơ cấu “tĩnh” có dấu hiệu tích cực (dấu dương) nhưng không đủ lớn để cho đóng góp của chuyển dịch cơ cấu là tích cực trong tăng trưởng năng suất lao động ngành công nghiệp.

5. Kết quả ước lượng tác động của chuyển dịch cơ cấu lao động nội ngành đến tăng trưởng kinh tế ngành công nghiệp

5.1. Thống kê mô tả các biến trong mô hình

Để thống nhất đơn vị đo lường theo phương pháp SSA, các biến trong mô hình được lấy logarit cơ số tự nhiên. Giá trị sản xuất ngành công nghiệp có giá

trị trung bình của biến này sẽ là 14,623, giá trị lớn nhất và thấp nhất không có sự chênh lệch nhau nhiều và lần lượt là 16,778 và 12,263, từ đó làm cho độ lệch chênh lệch giữa các huyện theo các năm so với giá trị trung bình ở mức 1,300. Các biến độc lập bao gồm số lượng lao động toàn ngành công nghiệp, giá trị vốn đầu tư, tỷ trọng lao động khu vực kinh tế nhà nước, vốn đầu tư nước ngoài được lấy logarit với các giá trị lớn nhất, nhỏ nhất và trung bình được trình bày ở bảng 3.

5.2. Kết quả ước lượng

Bảng 4 trình tổng hợp kết quả ước lượng mối quan hệ giữa tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp và chuyển dịch cơ cấu lao động ở phương trình (3.3) bằng 3 mô hình: tác động gộp (POOL-OLS), tác động cố định (FEM) và tác động ngẫu nhiên (REM). Kết quả kiểm định F và Breusch-Pagan cho thấy mô hình FEM hoặc REM sẽ phù hợp hơn so với mô hình POOL-OLS. Kết quả kiểm định Hausman cho phép bác bỏ giả thuyết H_0 ở mức ý nghĩa 5%, vì thế mô hình FEM được cho là phù hợp nhất trong 3 mô hình.

Kết quả các kiểm định Wald cho thấy mô hình có phương sai sai số thay đổi; kiểm định Wooldridge cho thấy mô hình có hiện tượng tương quan chuỗi; kiểm định Pesaran cho thấy mô hình không có hiện tượng tương quan chéo; kiểm tra nhân tố phóng đại phương sai VIF cho thấy mô hình không có đa cộng tuyến. Để khắc phục các hiện tượng trên của mô hình, lựa chọn để ước lượng mô hình là hồi quy các tác động cố định với sai số chuẩn Driscoll & Kraay (1998). Kết quả ước lượng mô hình FEM có điều chỉnh về tác động của chuyển dịch cơ cấu lao động tới tăng trưởng giá trị sản xuất ngành công nghiệp được giải thích tiếp theo sau.

Hệ số ước lượng của các yếu tố vốn và lao động đều dương thể hiện tác động tích cực của các yếu tố này vào tăng trưởng kinh tế, phù hợp với lý thuyết

Bảng 3. Bảng thống kê mô tả các biến trong mô hình 2.10

Tên biến	Trung bình	Lớn nhất	Nhỏ nhất	Độ lệch chuẩn
$\ln_GTSXcn$	14,623	16,778	12,263	1,300
$\ln_lcn$	8,506	9,914	6,664	0,915
$\ln_kcn$	14,356	17,788	11,540	1,233
$\ln_nn$	10,962	73,868	0,000	17,623
$\ln_fdi$	3,500	37,229	0,000	6,913
Tổng số quan sát	99			

Nguồn: Tác giả tính toán dựa theo số liệu Niên giám Thống kê Thành phố Cần Thơ

Bảng 4. Bảng tổng hợp kết quả hồi quy mô hình POOL, FEM và REM

Tên biến	POOL		FEM		REM	
	Hệ số ước lượng	Sai số chuẩn SE	Hệ số ước lượng	Sai số chuẩn SE	Hệ số ước lượng	Sai số chuẩn SE
$\ln_lcn$	1,251***	0,075	0,680***	0,155	0,846***	0,131
$\ln_ken$	0,028	0,059	0,233***	0,710	0,180***	0,066
l_nn	-0,007*	0,003	0,012***	0,004	0,010***	0,004
l_fdi	0,017*	0,010	0,020**	0,009	0,019**	0,009
Số quan sát	99		99		99	
Giá trị R ²	83,42		45,90%		45,20%	
Giá trị F	118,22		18,24		110,90	
Giá trị kiểm định F			P = 0,0000 < 5% (Bác bỏ H ₀ , FEM là phù hợp)			
Giá trị kiểm định Breusch-Pagan			P = 0,0000 < 5% (Bác bỏ H ₀ , REM là phù hợp)			
Giá trị kiểm định Hausman			P = 0,0046 < 5% (Bác bỏ H ₀ , FEM là phù hợp)			

Ghi chú: *, **, và *** chỉ mức ý nghĩa 10%, 5%, và 1%, tương ứng.

sản xuất Cobb – Douglas. Trong đó, tăng trưởng về số lượng lao động có tác động mạnh hơn so với tăng trưởng vốn đầu tư, đây là biểu hiện của giai đoạn tăng trưởng chủ yếu dựa vào lao động do các lĩnh vực thâm dụng lao động vẫn còn chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu giá trị sản xuất của ngành. Cụ thể, lực lượng lao động tăng trưởng 1% làm cho giá trị sản xuất công nghiệp tăng 0,68%, trong khi đó cùng một mức tăng trưởng nguồn vốn đầu tư chỉ làm cho giá trị sản xuất ngành công nghiệp tăng 0,23%.

Bên cạnh đó, các hệ số ước lượng của các biến cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế (bao gồm: l_nn và l_fdi) đều dương và có ý nghĩa ở mức 1% và 5%, tương ứng. Hệ số ước lượng của các biến cơ cấu có dấu dương chứng tỏ rằng sự gia tăng tỷ trọng lao động các khu vực Nhà nước và FDI có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế ở mức 0,012% và 0,02% tương ứng so với tăng tỷ trọng lao động khu vực kinh tế ngoài Nhà nước. Ngoài ra, kết quả còn cho thấy hệ số ước lượng của biến l_fdi lớn hơn đáng kể so với hệ số ước lượng của l_nn , điều này có nghĩa là sự chuyển dịch chuyển lao động vào khu vực kinh tế FDI đóng góp lớn hơn so với chuyển dịch lao động vào khu vực kinh tế nhà nước.

Tóm lại, kết quả phân tích của hai phương pháp trên đối với tăng trưởng kinh tế ngành công nghiệp về mặt chất lượng (tốc độ tăng trưởng năng suất lao động theo phương pháp SSA) và số lượng (dựa vào giá trị sản xuất ngành công nghiệp) cho thấy: chuyển dịch cơ cấu là thành phần làm giảm tốc độ tăng trưởng năng suất lao động ngành; trong khi đó, tăng trưởng năng suất lao động giữa các thành phần kinh tế đóng góp chủ yếu vào tốc độ tăng trưởng năng suất lao động toàn ngành. Bên cạnh đó, kết quả ước lượng cho thấy chuyển dịch cơ cấu vẫn có

đóng góp cực vào tăng trưởng giá trị sản xuất ngành công nghiệp nếu lao động dịch chuyển vào thành phần kinh tế nhà nước và FDI. Như vậy, chuyển dịch cơ cấu lao động giữa các thành phần kinh tế được cho là không cần thiết trong trường hợp này, bởi vì chuyển dịch cơ cấu lao động giữa các thành phần kinh tế làm tăng giá trị sản xuất ngành công nghiệp nhưng lại làm giảm tốc độ tăng trưởng năng suất lao động của ngành.

6. Kết luận và khuyến nghị

6.1. Kết luận

Kết quả tính toán dựa vào phương pháp SSA để bóc tách mức đóng góp của tăng trưởng năng suất lao động theo thành phần kinh tế nội ngành và chuyển dịch cơ cấu lao động vào tốc độ tăng trưởng năng suất lao động của toàn ngành công nghiệp cho thấy chuyển dịch cơ cấu không không đóng góp vào tăng trưởng năng suất lao động mà ngược lại còn làm cho giá trị này giảm xuống (Bảng 2). Vì thế, điều chỉnh trong cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế theo xu hướng tăng trưởng giá trị sản xuất ở giai đoạn này sẽ tạo ra bất lợi trong việc nâng cao năng suất lao động ngành bởi vì điều này đòi hỏi phải có sự khuyến khích tăng năng suất lao động của từng thành phần kinh tế, đặc biệt là khu vực kinh tế ngoài nhà nước.

Kết quả ước lượng cho thấy số lượng lao động tăng lên có xu hướng làm tăng giá trị sản xuất ngành công nghiệp. Đồng thời, số lượng lao động tăng lên theo hướng tăng tỉ trọng lao động của khu vực kinh tế nhà nước và FDI sẽ có tác động tích cực lớn hơn so với dịch chuyển lao động vào khu vực kinh tế ngoài nhà nước, trong đó dịch chuyển lao động vào khu vực FDI có tác động tích cực lớn nhất.

6.2. Khuyến nghị

Một số khuyến nghị chính sách giúp địa phương chuyển đổi cơ cấu hiệu quả được đề xuất dựa vào kết quả nghiên cứu. Thứ nhất, lao động nội bộ ngành công nghiệp thành phố đã có sự dịch chuyển từ khu vực kinh tế nhà nước sang các khu vực kinh tế khác đã làm giảm tốc độ tăng năng suất lao động của toàn ngành công nghiệp. Vì thế, tập trung nâng cao năng suất lao động của từng thành phần kinh tế đặc biệt là khu vực kinh tế ngoài nhà nước bằng một số giải pháp như chuyên môn hóa sản xuất công nghiệp, tăng cường ứng dụng và đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng lao động là cần thiết. Thứ hai, tăng tỷ trọng lao động trong khu vực kinh tế nhà nước và FDI sẽ có tác động tích cực lớn hơn so với tăng

tỷ trọng lao động khu vực ngoài nhà nước đến tăng trưởng giá trị sản xuất ngành công nghiệp. Do vậy cần cần có sự điều chỉnh về cơ cấu lao động nhằm tăng tỷ trọng của hai khu vực này, đặc biệt là khu vực FDI.

Do phương pháp SSA giả định chuyển dịch cơ cấu lao động ảnh hưởng đến tăng trưởng năng suất lao động mà không tính đến tác động của các yếu tố khác như nguồn vốn hay công nghệ. Đồng thời, vấn đề dư thừa lao động trong một số ngành và động thái chuyển dịch cơ cấu giữa các ngành chưa được đưa vào mô hình phân tích. Do vậy, nghiên cứu về chuyển dịch cơ cấu lao động dựa theo phương pháp SSA cần loại bỏ các giả định trong nghiên cứu này.

Tài liệu tham khảo

- Akbar, A., Imdadullah, M., Ullah, M.A. & Aslam, M. (2011), 'Determinants of Economic growth in Asian countries: a panel data perspective', *Pakistan Journal of Social Sciences*, 31(1), 145-157.
- Van Ark, B., O'Mahony, M. & Timmer, M.P. (2008), 'The productivity gap between Europe and the United States: trends and causes', *The Journal of Economic Perspectives*, 22(1), 25-44.
- Clark, S.T. & Linzer, A.D. (2015), 'Should I use Fixed or Random effects?', *Political Science Research and Methods*, 3(2), 399-408.
- Cobb, C. & Douglas, P. (1928), 'A theory of production', *American Economic Review*, 18, 139-165.
- Driscoll, J.C. & Kraay, A.C. (1998), 'Consistent covariance matrix estimation with spatially dependent panel data', *The Review of Economics and Statistics*, 80(4), 549-560.
- Fabricant, S. (1942), *Employment in manufacturing 1899 – 1939*, National Bureau of Economic Research, New York.
- Fagerberg, J. (2000), 'Technological progress, structural change and productivity growth: a comparative study', *Structural change and Economic Dynamics*, 11, 393-411.
- Nguyễn Thị Cẩm Vân (2015), *Các mô hình phân tích sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong quá trình CNH, hiện đại hóa đất nước*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Nguyễn Thị Minh (2009), 'Chuyển dịch cơ cấu và tăng trưởng kinh tế', *Tạp chí Nghiên cứu kinh tế*, 370, 17-26.
- Nguyễn Thị Tuệ Anh (2007), *Đánh giá đóng góp của các ngành kinh tế và chuyển dịch cơ cấu ngành tới tăng trưởng năng suất (lao động) ở Việt Nam*, Viện Nghiên cứu và quản lý kinh tế Trung ương, Hà Nội.